

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/HSST
Ngày 24 - 12 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tung và ông Nguyễn Văn Thề.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà: Ông Nghiêm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 182/2024/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với:

- Bị cáo **Lê Văn K**, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn D và bà Lê Thị H; vợ: Trần Thị T, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/9/2024 đến ngày 11/9/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh **Đỗ Nhật P**, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1954, nơi cư trú: Thôn M, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông **Phạm Đình C**, sinh năm 1973, ông **Đào Huy T1**, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 02 tháng 9 năm 2024, tổ công tác thuộc đội CSĐT tội phạm về Kinh tế- Ma túy Công an thị xã D kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ Q 5 thuộc thôn L, xã T, thị xã D. Quá trình kiểm tra phát hiện đối tượng Lê Văn K đang có hành vi cất giấu 01 gói giấy bạc màu trắng, kích thước 1,5 x 01cm, bên trong có 05 viên nén màu đỏ tại chỗ Lê Văn K khai là ma túy loại ngựa vừa được người đàn ông có tên là S ở xã M, huyện P, thành phố Hà Nội cho K mang về để sử dụng Cơ quan CSĐT tiến hành bắt giữ, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong các vật chứng theo quy định.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ gồm: Thu trong gầm cầu thang nhà nghỉ Q, cạnh quầy lễ tân vị trí bắt giữ Lê Văn K 01 gói giấy bạc màu trắng, không rõ hình, kích thước 1,5 x 01cm, trong có 05 viên nén màu đỏ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01. Tạm giữ của Lê Văn K 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xanh đen, được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02. Tạm giữ tại vị trí trước cửa nhà nghỉ Q 5 một xe ô tô BKS 30A - 91043, kiểm tra trong xe, không phát hiện thu giữ tạm giữ đồ vật tài sản gì. Tạm giữ của Đỗ Nhật P 01 điện thoại di động Iphone, niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03.

Tại bản kết luận giám định số 681/KL-KTHS ngày 09/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,510g, loại Methamphetamine.

Về nguồn gốc số ma túy Lê Văn K khai nhận: K thuê trọ tại phòng 601 nhà nghỉ Q thuộc thôn L, xã T, thị xã D để ở từ ngày 30/8/2024. Khoảng 11 giờ ngày 02/9/2024 K gọi điện thoại cho Đỗ Nhật P1, sinh năm 2000 quê ở Thanh Hóa là công nhân ở Khu Công nghiệp H mua hộ cơm bụi mang đến cho K, sau khi ăn cơm xong K gọi điện cho một người bạn tên là C1 để vay tiền và C1 đã chuyển 02 lần, 01 lần 500.000đ và 10 lần 1.000.000đ vào số tài khoản của P1. Sau đó K rủ P1 đi cùng để sử dụng tài khoản P1 trả nợ cho S. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày K điều khiển ô tô BKS 30A - 910.43 chở P1 đi đến nhà của Vũ Văn S sinh năm 1971 trú tại thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội để trả nợ cho S 2.000.000đ, trên đường đi đến cầu H dừng lại ở cây ATM của Ngân hàng A để rút 900.000đ rồi đưa cho P1 sau đó K bảo P1 đưa lại cho K 800.000đ, P1 đã đưa cho K 800.000đ còn 100.000 Phong đút vào túi quần của mình. Đến nơi K gọi điện, S đi ra cổng rồi nhờ K chở sang cây xăng cạnh Ủy ban phường Y, S lên ngồi ở ghế phụ cạnh ghế lái của K còn P1 ngồi ghế sau, trên đường đi K nhờ P1 chuyển khoản giúp số tiền 1.200.000đ để trả cho S, sau đó K tiếp tục đưa cho S 800.000đ tiền mặt. Sau khi trả xong tiền K nói với S “Thầy có quà gì cho con không”, S nói với K “Cho mày đây” đồng thời S cầm 01 gói giấy bạc đã được cuộn lại kích thước khoảng 1,5x1cm đưa K. Do đã từng sử dụng loại ma túy ngựa nên K biết bên

trong gói giấy bạc này có ma túy ngựa, K cầm, để vào khe cánh cửa ghế lái, khi điều khiển xe ô tô qua cầu P, K dừng xe gần cây xăng cạnh Ủy ban phường Y để S xuống. Sau đó K tiếp tục điều khiển xe ô tô về nhà nghỉ Q, trên đường đi, P1 hỏi K “Ông ấy cho gì đây”, K trả lời “Có 05 hạt ngựa”. Khi đến nhà nghỉ K và P1 xuống xe, P1 đứng ngoài nhà nghỉ còn K cầm theo 01 gói giấy bạc bên trong có ma túy đi vào trong nhà nghỉ thì bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã D kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Cáo trạng số 187/CT - VKS - DT ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Văn K mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, những người tiến hành tố tụng nêu trên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh, tính chất, mức độ tội phạm:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/9/2024, tại nhà nghỉ Q thuộc thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Lê Văn K có hành vi cất giữ trái phép 0,510 gam ma túy loại Methamphetamine., mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt:*

Hình phạt chính: Từ nhận định trên, xét thấy hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[5] *Về các tình tiết khác, nguồn gốc ma túy:*

Đối với Đỗ Nhật P, quá trình điều tra xác định K rủ P đi cùng để sử dụng nhờ tài khoản của P để chuyển trả tiền nợ cho Vũ Văn S, P không có liên quan gì đến hành vi xin ma túy để sử dụng của K. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không có căn cứ để khởi tố đối với P đồng phạm với K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với Vũ Văn S, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã M, huyện P, thành phố Hà Nội, là người mà Lê Văn K khai đã cho K 05 viên ma túy ngửa. Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã phối hợp với Công an xã M, huyện P, thành phố Hà Nội nhiều lần triệu tập nhưng Vũ Văn S không có mặt tại địa phương. Yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an thị xã D tiếp tục tiến hành xác minh, triệu tập S để đấu tranh làm rõ nếu có căn cứ thì sẽ tiếp tục xử lý sau.

[6] *Về vật chứng vụ án:*

Đối với 01 phong bì niêm phong có số 681/KTHS là mẫu vật hoàn trả sau giám định ma túy và là vật cầm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đen, Số IMEI: 356708088234495, MEID: 35670808823449 tạm giữ của Đỗ Nhật P, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên của P không liên quan gì đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho Đỗ Nhật P là đúng pháp luật.

Đối với 01 xe ô tô BKS 30A-910.43, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã tiến hành tra cứu, xác định xe ô tô trên không thuộc tang vật vụ án nào. Chủ sở hữu theo đăng ký là anh Nguyễn Huy T2, sinh năm 1983, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội, anh T2 khai khoảng năm 2018, anh đã bán lại chiếc xe trên cho ông Lê Văn D, sinh năm 1954, trú tại thôn M, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam (là bố đẻ của Lê Văn K) ông D cho Lê Văn K mượn xe ô tô để làm phương tiện phục vụ chạy taxi và không biết việc K sử dụng xe ô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội.

Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe ô tô BKS 30A-910.43 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Văn D là đúng pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu S1 màu xanh đen, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Lê Văn K, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2024.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có số 681/KTHS.

- Trả lại bị cáo Lê Văn K: 01 điện thoại di động Sam Sung.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã D và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 09/12/2024)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Văn K phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Cơ quan THAHS Công an tx Duy Tiên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tươi